

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 116

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi sáu, dòng thứ nhất, xem từ câu thứ hai: “*Bồ Tát năng hóa*”, xem từ chỗ này!

“*Bồ Tát năng hóa vô lượng thân ứng hiện vi trần sát, vô hữu trụ xứ, vô hữu trãm tích, như điện kích không trung, vô sở tùng lai, khứ vô định tích. Bồ Tát bình đẳng, vô hữu tiên thủ, hậu bị đẳng phân biệt tâm, như điện quang chiếu vật, vô bị, thủ, tiên, hậu phân biệt*” (Bồ Tát có thể hóa vô lượng thân, ứng hiện trong các cõi nước nhiều như vi trần, chẳng có trụ xứ, chẳng có dấu vết, giống như chớp lóe giữa không trung, chẳng từ đâu đến, chẳng có dấu vết nhất định sẽ đi về đâu. Bồ Tát bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt “cái này trước, cái kia sau” v.v..., giống như ánh chớp soi các vật, chẳng phân biệt cái này trước, cái kia sau). Đây là ý nghĩa trong Hội Sở, ý nói các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ lần này của đức Thế Tôn, số lượng vô lượng vô biên, đều là Pháp Thân đại sĩ. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của những vị ấy bình đẳng với chư Phật Như Lai, trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy [điều ấy]. Chỉ là tập khí vô thi vô minh còn chưa đoạn sạch, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực giống như chư Phật Như Lai. Vì thế, các Ngài có năng lực hóa thân, hóa bao nhiêu thân? Vô lượng vô số vô tận thân tướng, ứng hiện trong vi trần sát độ. Câu nói này khiến cho chúng ta thật sự thấu hiểu những người ấy, tức là những người trong cõi Thường Tịch Quang và cõi Thật Báo, năng lực cảm ứng quả thật chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng sanh trong các cõi nhiều như vi trần có cảm, các Ngài đều có thể ứng. Cũng rất có thể là thế giới của chúng ta trong hiện thời chính là một cõi nước nằm trong một hạt vi trần, bọn phàm phu chúng ta chẳng biết chân tướng rốt ráo. Hơn nữa, cõi nước đúng như cổ đại đức Trung Quốc đã nói: “*Lớn chẳng ra ngoài*”, nhìn từ chỗ lớn, hiện thời gọi là “thế giới vĩ mô”, [sẽ thấy] thế giới chẳng có ngăn mé, chẳng có ranh giới, vô cùng lớn. Nhìn từ chỗ nhỏ, nhìn vào vi trần, trong một mảy vi trần có cõi nước, trong cõi nước ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có cõi nước. “*Cái nhỏ chẳng ở trong*”, chẳng tìm được [cái nào rốt cuộc ở] bên trong. Lớn là vô lượng vô biên, nhỏ là vô cùng vô tận, đó là gì? Đấy là tự tánh, tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

Như Lai và các vị đại sĩ đã chứng đắc tâm tánh viên mãn, đã minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh, chúng ta hỏi các Ngài có trụ xứ hay không? Chẳng có! Nếu nói thật với quý vị về trụ xứ thì chỗ nào cũng đều là Thường Tịch Quang, cho nên chẳng có trụ xứ! Nơi nơi đều là cõi Thật Báo, cõi Thật Báo chẳng có nơi chốn nhất định.

Chúng sanh trong mười pháp giới có trụ xứ, các trụ xứ ấy do đâu mà có? Chúng ta hiểu: Từ trong ý niệm sanh ra huyền tướng và cảm nhận sai lầm, đây mới là chân tướng sự thật. Không có trụ xứ, nhưng chính mình chấp trước có trụ xứ, không có nơi chốn mà chấp trước có nơi chốn. Các đại sĩ thấy đều buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nên trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm). “*Vô hữu trụ xứ*” chính là “*vô sở trụ xứ*”. Thích Ca Mâu Ni Phật đã kiến tánh rồi, trụ “*vô sở trụ*”. “*Vô hữu trẫm tích*”, “*trẫm tích*” (朕跡) chính là điềm báo trước. Ngài đến chẳng có dấu hiệu báo trước, Ngài rời khỏi cũng chẳng có dấu hiệu báo trước. Không từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, chẳng có dấu vết gì! Ở đây, nêu lên một thí dụ: “*Như điện kích không trung*” (như chớp lóe trong không trung). Tia chớp: Trời đổ mưa, chúng ta thấy tia chớp, tia chớp do đâu mà có? Trong một sát-na, ánh sáng ấy chẳng còn nữa, nó đến nơi đâu? Chẳng từ chỗ nào đến, mà đi cũng chẳng có tung tích. Bồ Tát ứng hóa trong đại thiên thế giới, ứng hóa trong mười pháp giới, giống như chớp lóe trong không trung, hiện tượng này xuất hiện trong sát-na. Nói thật ra, ứng thân của Phật, Bồ Tát là như thế. Thân của chúng ta trong mười pháp giới hoặc trong lục đạo chúng sanh được là “*nghiệp báo thân*”, các Ngài chẳng có, các Ngài là “*hễ chúng sanh có cảm, bèn tự nhiên ứng hiện*”, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai thời. Cảm lúc nào bèn ứng lúc đó, chẳng bỏ lỡ lần nào! Chẳng có may may bỏ lỡ.

Chúng sanh trong lục đạo hay trong mười pháp giới bị nghiệp lực lôi dắt. Tâm quý vị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, quyết định sanh trong lục đạo luân hồi. Tâm địa thanh tịnh, tịnh mà chẳng nhiễm, chắc chắn là quý vị sanh trong bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là uế độ Thích Ca Mâu Ni Phật; đó là nói về thế giới Sa Bà. Trong uế độ là lục đạo, có thiện, có ác. Thiện tâm, thiện hạnh sanh trong tam thiện đạo. Nói thông thường, thiên đạo, A Tu La đạo và nhân đạo được gọi là “*tam thiện đạo*”. Trên thực tế, đức Phật đã nói về A Tu La rất rõ ràng. Ngoại trừ địa ngục không có A Tu La, bốn đường khác đều có A Tu La. Thiên có A Tu La, ba đường kia: Nhân đạo có A Tu La, súc sanh có A Tu La, quỷ có A Tu La. Trong lục đạo, bốn đạo ấy đều có A Tu La, chỉ có địa ngục là không có. Thiên A Tu La được coi như thiện đạo, ngoài ra, nhân gian A Tu La, súc sanh A Tu La, ngạ quỷ A Tu La đều chẳng thể xem là thiện đạo, chỉ có Thiên A Tu La được kể là thiện đạo. Đối với tam thiện đạo và tam ác đạo, tâm hạnh bất thiện cảm ứng tam ác đạo, tâm hạnh thiện cảm ứng tam thiện đạo. Tiêu chuẩn thiện - ác là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo do đức Phật đã giảng, đó là tiêu chuẩn. Vì thế, đức Phật khuyên chúng sanh “*chẳng thể không tu thiện*”, không tu thiện thì đời sau sẽ vào tam đồ, tam đồ quá khổ!

Tuy Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, đặc biệt là trong lục đạo, chúng ta đang ở trong lục đạo, tâm Bồ Tát bình đẳng, thanh tịnh. Tuy Bồ Tát có ứng, nhưng Ngài trước nay chẳng khởi tâm động niệm. Vì thế nói: “*Vô hữu tiên thử hậu bỉ đẳng phân biệt tâm*” (cho nên chẳng có tâm phân biệt như cái này trước, cái kia sau v.v...). Ngài giống như

mặt trời chiếu khắp đại địa, chẳng có phân biệt, thứ gì cũng chiếu tới. Chúng ta có nghiệp chướng, tuy mặt trời rạng rỡ cũng chiếu chẳng thấu, nghiệp chướng gì vậy? Quý vị trốn trong phòng, mặt trời chẳng soi thấu. Quý vị ra cửa che dù, mặt trời cũng chẳng chiếu tới quý vị. Đó là chính quý vị có nghiệp chướng, bị chướng ngại, chẳng phải là mặt trời không chiếu quý vị, mà là quý vị chẳng muốn nó chiếu thấu. Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới giống như thế đó, chiếu khắp hết thấy chúng sanh, “*nhu điện quang chiếu vật, vô bỉ thử tiên hậu phân biệt*” (giống như ánh chớp soi vật, chẳng có kia, đây, trước, sau phân biệt). Vì sao? Ngài đã chứng đắc “vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Một Thể đương nhiên chẳng có phân biệt “đây - kia, trước - sau”, một Thể mà! Đối với cảnh giới này, người học Phật chúng ta phải phát tâm, các Ngài đã chứng đắc, chúng ta cũng phải nên chứng đắc, đó mới là đúng!

Tiếp theo đó có chú giải. Hoàng lão cư sĩ chú giải: “*Thượng vân Bồ Tát nhất niệm*” (nhất niệm của Bồ Tát như vừa nói trên đây), điều được nói trong phần trước. “*Thượng vân*” (上云) là trong phần trước đã nói, một niệm của Bồ Tát “*phổ chí thập phương*”, tức là khắp pháp giới hư không giới, một niệm trọn khắp pháp giới. “*Có kỳ thần tốc, siêu quá quang tốc vô lượng ức bội*” (cho nên nó thần tốc, vượt trội tốc độ của ánh sáng vô lượng ức lần), chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hoặc tốc độ của tia chớp có thể sánh bằng. Điều này giống như điều thứ nhất trong phần “*thị tam biến*” (chỉ bày ba thứ trọn khắp) trong Vọng Tân Hoàn Nguyên Quán, một niệm vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới. Ý nghĩa “*trọn khắp pháp giới*” tương ứng với những điều kinh điển đã nói, vô lượng vô biên thế giới, cho đến vi trần sát độ, nhà Phật thường nói là “*mười phương sát độ, vi trần pháp giới*”. Mười phương cõi nước là thế giới vĩ mô, vi trần pháp giới là thế giới vi mô. Một niệm tới khắp, thấy đều đạt đến. Đó là nói về chuyện “*hóa hiện thân mình giống như ánh chớp*”. Kinh Kim Cang nói “*vô trụ sanh tâm*”. Do câu này, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đại triệt đại ngộ, “*hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm*”.

Hai câu kế tiếp [trong chánh kinh] là lia khỏi sự trói buộc của kiến giải: “*Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược*” (xé rách lưới ma kiến, tháo gỡ các trói buộc), “*triền*” là chữ triền trong triền nhiễu (纏繞: quấn trói). “*Liệt giả, phá dã*” (Liệt là phá). Lời Chú Giải cho biết Liệt (裂) là phá. “*Ma giả, Trí Độ Luận viết: Đoạt huệ mạng, hoại đạo pháp công đức thiện bản, thị cố danh vi Ma*” (Trí Độ Luận giảng Ma là “đoạt huệ mạng, phá hoại cội gốc lành của đạo pháp và công đức, nên gọi là Ma”). Trên thực tế, Ma có nghĩa là “*chiết ma*” (折磨: vùi dập). Con người bị vùi dập, đau đớn chẳng thể chịu nổi. Lương Vũ Đế cảm thấy vùi dập còn đáng sợ hơn quý, nên đổi với chữ Ma (磨), phía dưới chữ Ma vốn là chữ Thạch (石), bỏ chữ Thạch, đổi thành chữ Quỷ (鬼), [ngụ ý sự vùi dập] giống như ma quỷ. Chữ này do Lương Võ Đế sáng chế. Trong cổ tự Trung Quốc chẳng có, [trước thời Lương Võ Đế] không có chữ này. Vì thế, quý vị đọc những

sách vở xưa, trong ấy vẫn dùng chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨), hãy nên biết hai chữ [磨 và 魔] có ý nghĩa giống nhau. Nó chương ngại Pháp Thân huệ mạng, phá hoại đạo pháp của chúng ta, phá hoại đạo đã học, pháp đã tu, công đức thiện bản mà chúng ta đã tu. Thiện bản là gì? Thiện bản là Thập Thiện. Tất cả hết thảy thiện pháp đều xuất sanh từ Thập Thiện. Thập Thiện giống như cội rễ, nên gọi là “*thiện căn*”, “*thiện bản*” và “*thiện căn*” có cùng một ý nghĩa. Nó phá hoại thiện căn và công đức của quý vị, công đức là Định Huệ. Những thứ ấy gọi là Ma, phạm vi ý nghĩa của chữ Ma vô cùng rộng rãi.

“*Kiến*” (見) chỉ điều gì? Tiếp theo đó, sách viết: “*Chỉ tư lự*” (chỉ các thứ suy nghĩ). Vì vậy, chữ Kiến này hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Hiểu theo nghĩa hẹp thì [Kiến] là chúng ta mắt thấy, tai nghe. Dùng một chữ Kiến theo nghĩa rộng để đại diện toàn bộ, sáu căn khởi tác dụng đều dùng một chữ Kiến. Người Trung Quốc chuộng đơn giản, chẳng ưa phiền phức, nên trong chữ Kiến bao gồm cả tư lự, [tức là] tư tưởng, sự tìm tòi nghĩa lý, nghiên cứu, và sự quyết định của chúng ta. Những điều này đều có thể dùng chữ Kiến để tượng trưng. “*Kiến*” có ý nghĩa rất rộng, bao gồm tà, chánh, có chánh kiến, tà kiến. Chánh kiến bèn gọi là Phật, Bồ Tát; tà kiến là ma kiến. Dùng cách nói [trong sách Chú Giải] ở đây, chánh kiến là thành tựu huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bản của chúng ta. Đó là chánh tri chánh kiến. Nếu nói tới ma kiến thì ma kiến là tà kiến, nó phá hoại huệ mạng, đạo pháp, công đức, thiện bản của chúng ta, đó chính là ma. Chỉ Quán: Quyền thứ năm trong bộ Ma Ha Chỉ Quán của tông Thiên Thai có một đoạn văn như sau: “*Nhất thiết phàm phu, vị giai thánh đạo, giới nhĩ khởi kế, tất giai thị Kiến*” (hết thảy phàm phu chưa đạt đến địa vị thánh đạo, một niệm nhỏ nhoi vừa dấy lên bèn đều là Kiến). Chúng ta đọc câu tiếp đó: “*Hựu Đại Thừa Nghĩa Chương đệ ngũ quyền thuyết: Thôi cầu thuyết chi vi Kiến*” (lại nữa, Đại Thừa Nghĩa Chương, quyền thứ năm nói: “Tìm tòi nghĩa lý bèn gọi là Kiến”). Do vậy, nó bao gồm tư lự, quyết định, bao gồm những ý nghĩa ấy. “*Thử thượng thị quảng nghĩa, phàm hữu tư lự, kế giáo, phân biệt, thôi cầu*” (trên đây là nghĩa rộng, hễ có suy tính, so đo, phân biệt, tìm tòi nghĩa lý), “*kế giáo*” (計較) là chấp trước, “*tư lự*” (思慮) là vọng tưởng, nay chúng ta gọi “*thôi cầu*” (推求) là nghiên cứu, thuộc loại ấy. “*Đẳng đẳng*” (vân vân) đều gọi là Kiến, “*tất danh vi Kiến*” (đều gọi là Kiến).

“*Hựu Chỉ Quán thập viết: Tác quyết định giải, danh chi vi Kiến*” (Lại nữa, sách Chỉ Quán quyền mười nói: “Tạo sự hiểu biết quyết định thì gọi là Kiến”), ý nghĩa này khá hẹp. Trong phần trên là nghĩa rộng, ở đây là nghĩa hẹp. “*Duy chỉ cụ quyết định tánh chi tri giải*” (chỉ là nói về sự hiểu biết có tánh chất quyết định). Cũng có thể nói theo kiểu người Trung Quốc là “*thành kiến*”. Người nào đó có thành kiến rất sâu, chấp trước kiến giải của chính mình là chánh xác. Như phàm nhân hiện thời chấp trước “*tôn giáo là mê tín*”, tôn giáo có phải là mê tín hay không? Kẻ ấy nói chính hấn có nghiên cứu, tôn giáo xác thực là mê tín; nhưng cũng có những người bảo “*tôn giáo tuyệt đối không*

phải mê tín, tôn giáo là trí huệ”. Quý vị thấy đó, chấp trước của hai loại người ấy chắc chắn khác nhau, vì sao? Trong ấy có tà và chánh. Có người quyết định là chánh xác, có người quyết định là chẳng chánh xác. Chẳng chánh xác mà ngỡ là chánh xác, đó gọi là “thành kiến”. Đức Phật dạy chúng ta phải nên buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói: “*Kiến hữu tà chánh*”, có tà kiến, có chánh kiến, có hữu kiến, có vô kiến, có đoạn kiến, có thường kiến, những thứ này đều gọi là tà kiến. Ý nghĩa này sâu lắm, chỉ cần quý vị có kiến giải thì đều gọi là tà kiến, vì sao? Trong tâm tự tánh thanh tịnh chẳng có kiến, chẳng có tà, chánh, mà cũng chẳng có hữu, vô, mà cũng chẳng có đoạn, thường. Trong tự tánh thanh tịnh tâm, Kiến gì cũng không có, đây mới là chánh tri chánh kiến. Tâm chư Phật Như Lai vĩnh viễn “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chỉ cần có niệm khởi lên sẽ chẳng giác, chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Ý nghĩa này rất sâu, nhưng là thật, chẳng giả! “*Ma kiến võng giả, tà kiến sâm si giao lạc, linh nhân nan u thoát ly, thí như la võng*” (“Lưới ma kiến”: Tà kiến rồi bởi giao xen, khiến cho con người khó thoát lia, ví như lưới rập); do vậy, kinh Phật thường dùng chữ “*tà kiến võng*”. “*Ma kiến võng*” chính là lưới tà kiến. Kinh Hoa Nghiêm giảng: “*Ngã mạn khái quán, kiến võng tăng trưởng*” (ngã mạn tưới tắm, lưới kiến giải tăng trưởng), thành kiến từ đâu sanh ra? Trong năm thứ Kiến Hoặc, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều là Thành Kiến như người Trung Quốc đã nói. Giới Thủ Kiến là nói theo nhân, Kiến Thủ Kiến là nói theo quả, đều là chấp trước, chấp trước kiên cố, cho chính mình là đúng, người khác là trật. Cội nguồn ở chỗ nào? Cội nguồn ở chỗ ngạo mạn. Tâm sân khuể được bao gồm trong ấy. Kiêu căng, ngã mạn, cuồng vọng tự đại. Ngược lại là cung kính, hư tâm (tâm rỗng rang) thì sẽ chẳng có những khuyết điểm ấy. Hễ tự cho mình là đúng, chắc chắn đọa trong lưới tà kiến, chẳng sanh trí huệ, sẽ sanh phiền não. Như trong phần kế tiếp, Trí Độ Luận quyển thứ mười một có nói: “*Thị nhân tà kiến võng, phiền não phá chánh trí*” (người ấy vướng trong lưới tà kiến, phiền não phá chánh trí). Lưới ma kiến là lưới tà kiến, trí huệ chẳng còn nữa, trí huệ biến chất, biến thành phiền não. Thật ra, chánh trí là Bát Nhã, đức năng và tướng hảo trọn chẳng bị mất đi, chỉ là biến chất, vì trong tâm quý vị có Tam Độc. Tham, sân, si là Tam Độc, có lúc đức Phật giảng năm điều, gọi là Ngũ Độc, tức là tham, sân, si, kể thêm ngạo mạn và nghi hoặc, nên gọi là tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Ngũ Độc tấn công cái tâm, quý vị có thể nào chẳng mê hoặc ư? Chánh trí của quý vị chẳng thấy đâu nữa, phiền não dấy lên. Đức Phật dạy con người tu hành là tu gì vậy? Tu từ nơi đâu? Hãy bắt tay tu từ chỗ này, buông Tam Độc, Ngũ Độc xuống. Có thể buông xuống hay không? Có thể chứ! Vì sao? Chúng chẳng phải là thật. Trong chân tánh không có những thứ ấy; trong chân tánh có Giới, Định, trí huệ.

Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc bảo: Trong chân tánh có Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tự tánh vốn sẵn có [những thứ ấy]. Dùng một chữ để đại diện những thứ ấy, tức là dùng một chữ để đại diện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, chữ đó là “Thiện”, bốn tánh vốn thiện. Thiện là gì? Ngũ Luân là thiện, Ngũ Thường là thiện, Tứ Duy là thiện, Bát Đức là thiện. “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thoát đầu, tánh vốn lành), trong chữ Thiện ấy là bốn khoa mục lớn (Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ

Duy, Bát Đức). Ngũ Luân là nói tới quan hệ, quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên, quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa, hiện thời nói đến quan hệ giữa con người và địa cầu, quan hệ giữa con người và vũ trụ. Nói tới các mối quan hệ bèn gọi là luân lý. Phật pháp giảng [luân lý] hoàn bị nhất, thánh nhân Trung Quốc cũng rất lỗi lạc, nghiêm nhiên cũng nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng một căn cội, vạn vật và ta cùng một Thể). Điều ấy chẳng khác những gì được nói trong sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Phật pháp giảng rõ ràng, minh bạch, còn trong sách vở của cổ Trung Quốc chỉ có mấy câu, lược tả phớt qua mà thôi, chúng ta chớ nên không biết. Kinh thường nói chuyện này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thông hiểu rốt ráo*”. Khi nào quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đã thành Phật, bèn thấu hiểu triệt để chân tướng sự thật này, thấu hiểu triệt để rốt ráo, đúng là do một tự tánh biến hiện. Trong kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngoài pháp chẳng có tâm*”, “*pháp*” là Pháp Tướng, Pháp Tướng toàn là do tâm hiện, nên ngoài pháp chẳng có tâm. “*Ngoài tâm chẳng có pháp*”, tất cả hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tướng, rời khỏi tâm tướng sẽ chẳng có một pháp nào để đạt được. Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không hai, có quan hệ là cùng một loại. Sau khi đã hiểu rõ mối quan hệ ấy, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử lý mối quan hệ ấy sao cho tốt đẹp. Đó là Đức.

Người Hoa nói tới Ngũ Thường, “*phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thân hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (cha con có tình thân ái, vợ chồng có trách nhiệm khác biệt, vua tôi có nghĩa, già trẻ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín), đây là nói tới luân lý, phát triển đến cuối cùng, trong bốn biển đều là anh em. Sự phát triển này nói rõ điều gì? Nói rõ toàn thể nhân loại là người một nhà. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói con người do đâu mà có? Thủy tổ nguyên thủy của nhân loại là do Chúa tạo ra, Á Đương (Adam) và Hạ Oa (Eve)¹ là tổ tiên của nhân loại. [Theo họ], toàn bộ nhân loại trên thế giới đều là hậu duệ của Á Đương và Hạ Oa, đều là con cháu của họ, là người một nhà, nói rất hay. Á Đương và Hạ Oa do đâu mà có? Do Chúa tạo. Vì vậy, Chúa mới là cội nguồn thật sự của nhân loại, do Ngài tạo ra. Đây là cách nói trong tôn giáo. Nói theo Phật pháp, tự tánh là vốn có, chẳng phải do bất cứ kẻ nào sáng tạo, mà là vốn sẵn có. Bản tánh vốn sẵn có, bản tánh vốn lành, vốn là sẵn có. Vũ trụ, sanh mạng, vạn vật hình thành như thế nào? Kinh Phật dạy: “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, vô minh là ba tế tướng của A Lại Da, A Lại Da sanh ra hết thảy vạn vật. A Lại Da là gì?

¹ Theo ngụ ý, cách phiên âm tên bà Eve thành Hạ Oa là do dựa theo cổ ngữ Do Thái. Trong cổ ngữ Do Thái, tên bà này thường được ghi là Hawwāh, tiếng Do Thái hiện thời ghi là Khavah. Người Hy Lạp ghi tên bà này thành Heūā, và bị biến âm lần nữa thành Eva hoặc Eve sau này. Theo suy đoán của giới sử học, cái tên Hawwāh phát xuất từ tên nữ thần Kheba của dân Hurrian (cổ dân cư sống tại vùng Cận Đông và Lưỡng Hà), và Kheba lại là biến thể của Kubau, tức tên một nữ vương của vương triều Kish. Kish là thành phố Tell al-Uhaymir của vương triều Sumer tại Lưỡng Hà (Mesopotamia) sau này.

A Lại Da là vọng tâm. Trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức, đức Phật bảo A Lại Da nửa chân, nửa vọng. Thể của nó là Chân, là chân tánh, nửa kia là vọng. Vọng tức là nó vọng động, nhất niệm bất giác nó bèn động, động rồi bèn dấy lên một niệm. Niệm ấy do lý do gì mà khởi? Chẳng có lý do, khi nào khởi? Chẳng có khi nào. Khởi ở đâu? Chẳng có nơi chốn. Nó vừa động, vọng tâm bèn hiện tiền. Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vọng tâm có thể biến, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là do vọng tâm. Hiện thời các nhà khoa học gọi vọng tâm là “ý niệm”. Trong tâm chúng ta khởi niệm, niệm ấy có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến, kinh Phật giảng nguyên khởi của vũ trụ là như thế. Chúng ta đọc nhiều, học tập nhiều, sau đây sẽ thông suốt những điều được nói ở đây, cách nói này rất hợp lý. Họ nói là “Chúa tạo”, trong Phật pháp, Chúa là ai? Chúa chính là A Lại Da; vì thế, A Lại Da còn gọi là “thần thức”, đó là danh xưng trong kinh Phật, nó tạo ra vạn vật. Vì vậy, nói “vạn vật do Chúa tạo”, người học Phật chúng ta thừa nhận, [vì Chúa tạo tức là] thần thức tạo, năng lượng của thần thức chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta phải phản vọng quy chân (bỏ vọng về với chân), thánh nhân Trung Quốc nói hay lắm: “*Khắc niệm tác thánh*” (khắc chế ý niệm bèn trở thành thánh). “*Niệm*” là vọng niệm, [*“khắc niệm tác thánh”* nghĩa là] quý vị có thể khắc phục vọng niệm bèn là thánh nhân. Phạm phu bị vọng niệm chuyên, khổ chẳng thể nói nổi. Thánh nhân có thể khắc phục vọng niệm, vọng niệm chẳng còn nữa, chánh niệm hiện tiền, đó là thánh nhân. Vọng niệm là phiền não, chánh niệm là trí huệ, danh từ trong nhà Phật [gọi chánh niệm] là Bồ Đề. Chuyển vọng thành Chân chính là “*học Phật*”. Phương pháp cụ thể để khắc phục chính là buông dục vọng xuống, dục vọng chẳng thật. Trong Phật pháp thường nói tới Ngũ Dục, Lục Trần. Ngũ Dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, người trong thế gian ưa thích năm thứ ấy, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nhưng trong kinh Phật nói năm thứ ấy là gì? Là năm cội rễ của địa ngục! Trong đời người, chẳng thể thiếu khuyết năm thứ ấy, quý vị chẳng có cách nào lìa khỏi chúng. Đức Phật dạy chúng ta, đối với năm chuyện ấy, vừa phải bèn thôi! “Vừa phải bèn thôi” là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, sử dụng nó, đừng khởi tâm tham, đừng sanh sân khuê. Nếu ưa thích nó, hãy đừng tham luyến. Nếu chán ghét nó, đừng căm kình. Đó gọi là “vừa phải bèn thôi”. Hiểu rõ nó, chẳng mê hoặc tí nào, đó là chẳng si. Thái độ của chính mình là bất luận trong cuộc sống, đãi người, tiếp vật đều phải khiêm hư, phải cung kính con người lẫn sự vật, chẳng ngạo mạn, tin sâu xa, chẳng nghi ngờ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Quý vị thấy tham, sân, si, mạn, nghi chẳng còn nữa, như vậy là quý vị sống cuộc đời bình thường, đúng mực, sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn.

Thuở trước, giáo sư Phương Đông Mỹ dạy tôi Phật giáo, bảo tôi: “*Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời*”. Hưởng thụ cao nhất là trong cuộc sống hằng ngày chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, đó chính là hưởng thụ cao nhất. Nếu có thể khắc chế ngũ dục, lục trần, cũng là nói “vừa phải bèn thôi”, có một chút ít bèn thỏa mãn, đó là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời. Nếu tham lam chẳng chán, oán hận chẳng bỏ, cuộc

sống của kẻ ấy rất bi ai, mà cũng rất đáng thương, khổ chẳng thể nói nổi! Sống đúng bốn phận, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn cho chúng ta thấy, mỗi ngày chỉ cần có thể ăn no, mặc đủ ấm, có chỗ để che mưa tránh gió, đủ rồi! Biết đủ, thường vui! Chẳng cần phải tính toán, mong cầu. Tính toán, mong cầu sẽ khổ sở khôn kể xiết, nhất định phải sống trong thế gian này sao cho thân tâm của chính mình chẳng bị áp lực, người hiện thời nói là “không có stress”, thông dong, thoải mái, cuộc sống ấy tốt đẹp lắm, cuộc sống ấy mỹ mãn lắm! Chớ nên tự chuốc lấy khổ, mỗi ngày trong lòng lo âu, toan tính, bận tâm khôn xiết, đó là tự chuốc khổ! Đã giác ngộ, hãy buông triệt để những thứ vụn vặt muôn đầu mối ấy xuống, chẳng phải là không có chuyện gì ư? Buông xuống bèn thành Phật, thành Phật bèn chẳng có chuyện gì nữa! Sau khi thành Phật, giáo hóa chúng sanh, tự tại lắm! Giáo hóa chúng sanh, quý vị thấy “*vô trụ sanh tâm*” có thể hiện vô lượng vô biên thân, chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, có thể hiện hết thấy tướng. Hiện tướng giáo học, vì chúng sanh thị hiện các thứ mà vẫn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đấy mới là cao minh, cao minh đến tột bậc, đấy mới là pháp hỷ, đấy mới là Cực Lạc. Vì thế, đối với Cực Lạc, một niệm giác quý vị bèn chứng đắc Cực Lạc, một niệm mê sẽ khổ khôn kể xiết! Phật, Bồ Tát giáo hóa hết thấy chúng sanh chẳng có chi khác, không gì chẳng nhằm dạy họ phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Lia là buông xuống, bỏ đi, cội nguồn của khổ là tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị dẹp trừ những thứ ấy, chúng nó chẳng phải là những thứ tốt đẹp.

Tiếp đó, lão cư sĩ dùng một câu trong Trí Độ Luận để làm chứng: “*Hữu niệm đọa ma vông, vô niệm tắc đắc xuất*” (hữu niệm đọa lưới ma, vô niệm bèn ra khỏi). Ai không có ý niệm? Có tà niệm bèn đọa lưới ma, lục đạo luân hồi là tà niệm. Có chánh niệm, thiện niệm bèn sanh trong tam thiện đạo, ác niệm sanh trong tam ác đạo, đều chẳng thoát khỏi luân hồi. Vì thế nói thiện niệm hay ác niệm đều là tà niệm, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Tốt đẹp hơn một bậc là quý vị có tịnh niệm, có chánh niệm, vượt thoát luân hồi, sanh trong bốn thánh pháp giới, Phật, Bồ Tát vẫn nói đó là tà niệm, hễ có niệm bèn đọa trong lưới ma. Vì sao? Quý vị có niệm! Quý vị có Phật niệm, có Bồ Tát niệm, vẫn đọa trong lưới ma. Lưới ma là gì? Bốn thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới. Lục đạo là lưới ma nhỏ, bốn thánh pháp giới là lưới ma to. Đã thoát khỏi lưới ma nhỏ, nhưng chưa thoát khỏi lưới ma to. Làm cách nào đây? Vô niệm. Vô niệm bèn thoát khỏi! Tôi lại thật thà thưa cùng quý vị, quý vị vô niệm cũng chẳng thoát được, vì sao? Vì quý vị có vô niệm, vẫn là có niệm, nên quý vị chẳng thoát ra được. Vô niệm là gì? Hữu niệm lẫn vô niệm thấy đều không có thì mới có thể thoát ra. Nếu có vô niệm là hồng rồi. Bởi lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng Ngài thường phủ nhận: “Ta chẳng giảng kinh. Quý vị nói ta giảng kinh thì chính là báng Phật!” Vì sao? Chẳng chấp thuận quý vị có ý niệm “Phật”. Trong tâm tự tánh thanh tịnh, niệm gì cũng đều chẳng có. Có sao quý vị giữ chặt ý niệm “Phật” ấy? Chuyện này khó thể hiểu rõ, hữu niệm bèn đọa lạc, vô niệm vẫn đọa lạc, nhưng chúng ta tu Tịnh Độ lại chẳng sợ. Tịnh Độ Tông đã giải quyết vấn đề này. Tịnh Độ Tông chẳng cho phép

quý vị có niệm nào khác, chỉ chấp nhận cho quý vị có ý niệm A Di Đà Phật, cách này tuyệt diệu! A Di Đà Phật thì ta vẫn là hữu niệm? Chẳng sai! Ý niệm A Di Đà Phật này vẫn đọa trong lưới, nhưng chẳng phải là lưới ma, mà là đọa trong lưới A Di Đà Phật, bị A Di Đà Phật chụp lấy đem đi; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ diệt trừ ý niệm A Di Đà Phật này, quý vị bèn thành Phật. Cách này đúng là mâu nhiệm tột bậc, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, quá hay!

Hiện thời, chúng ta nói là “hữu niệm lẫn vô niệm chắc chắn đoạn chẳng được”, quý vị nói “ta đoạn hết hữu niệm” bèn biến thành vô niệm. Vô niệm chẳng có, bèn biến thành hữu niệm, luôn rơi vào nhị biên, chẳng có cách nào sanh tồn trong nhị biên, mà sanh tồn trong ấy thì cũng trật rồi! Quý vị thấy cổ nhân nói: “*Nhị biên chẳng lập*”, Trung Đạo cũng chẳng còn, trung gian cũng không có, “*Trung Đạo chẳng tồn tại*”. Đây mới là thật sự vô niệm. Vô niệm bèn hồi quy tự tánh, trong tự tánh chẳng có niệm. Chân tâm ly niệm, niệm chẳng còn nữa, chân tâm bèn hiện tiền, đó cũng chính là như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, làm sao quý vị có thể hữu niệm? Chúng ta không có bản lãnh ấy! Tu pháp môn ấy là người thượng thượng căn, chúng ta là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, chẳng có cách nào học tập! Chỉ có tu pháp môn Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng, quyết định có thể xuất ly trong một đời này. Vì thế, pháp môn Niệm Phật được gọi là vô niệm vì chẳng có hết thấy niệm; [mà cũng] nói là hữu niệm vì có một niệm A Di Đà này. Quý vị thấy đối với A Di Đà Phật bèn bảo chấp trì danh hiệu, nhà Phật nói “phá chấp trước”. Ở chỗ này, dạy quý vị chấp trước, tức là quý vị phải chấp trước danh hiệu, phải gìn giữ, đừng để bỏ mất, niệm đâu nghĩ tại đó, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có. Chúng ta có thể hành phương pháp này, mỗi người đều có thể làm được. Xác thực là Tịnh Tông đảm bảo hết thấy chúng sanh thoát khỏi lục đạo và mười pháp giới trong một đời, toàn bộ đều được vượt thoát.

Sau đó, cụ Niệm Tổ tổng kết bằng một câu rất hay: “*Khả kiến khởi tâm động niệm giai đọa ma võng, duy hữu tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm, phương đắc xuất ly dã*” (có thể thấy khởi tâm động niệm đều đọa trong lưới ma, chỉ có tịnh niệm tiếp nối, vô niệm mà niệm mới được thoát lìa). Một câu A Di Đà Phật, ma giới không có, lục đạo không có, mười pháp giới cũng không có, chỉ có trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là có. “*Tịnh niệm tương kế, vô niệm nhi niệm*” (tịnh niệm tiếp nối, không niệm mà niệm), chẳng có hết thấy vọng niệm. Hết thấy các niệm đều là vọng niệm, chỉ niệm A Di Đà Phật. Vô niệm là không có những niệm khác, toàn bộ những niệm khác đều buông xuống, nhưng niệm là hữu niệm, chuyên niệm A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta [bí quyết] gồm tám chữ, quý vị đọc phẩm Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh) sẽ biết: Đức Phật dạy chúng ta “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, tám chữ ấy. Nhất định phải phát Bồ Đề tâm. Nếu không phải là Bồ Đề tâm, dẫu một bề chuyên niệm, vẫn chẳng thể vãng sanh. Bồ Đề tâm là tâm gì? Trong kinh luận đã giảng giải chẳng dễ hiểu, hơn hai mươi năm trước, tối thiểu là hai mươi lăm trước, khi giảng

kinh Di Đà tại Mỹ, tôi đã dùng năm chữ (thanh tịnh, bình đẳng, giác) trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để giảng Bồ Đề tâm, thêm vào trước đó hai chữ “chân thành”, thêm vào sau đó hai chữ “từ bi”, giảng như vậy dễ dàng, mọi người đều dễ hiểu.

Bồ Đề tâm là gì? Tâm chân thành là bản thể của Bồ Đề tâm. Chân thành tâm, Chân là chẳng giả, Thành là chẳng dối, chẳng phải là hư ngụy. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu sống bằng tâm chân thành, quý vị sẽ sống rất tự tại. Người khác dùng tâm hư ngụy để đối đãi ta, ta dùng tâm chân thành đối đãi hắn, dụng tâm khác nhau. Tâm hư ngụy đối xử kẻ khác, tạo thành nghiệp bất thiện, quả báo trong tương lai là trong tam ác đạo. Ta dùng tâm chân thành đối xử với người khác, trong tương lai, ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật hoan nghênh ta, khác hẳn! Tâm chân thành là tự thụ dụng. Tâm chân thành cũng là đối xử với chính mình như thế nào. Đây là năm chữ trong tựa đề kinh: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tôi thêm một chữ [Chánh] vào thành “*Chánh Giác*”, đó là đối với chính mình. Tâm chân thành đối với chính mình là thanh tịnh, thanh tịnh là chẳng nhiễm ô. Thứ gì là nhiễm ô? Tự tư tự lợi là nhiễm ô; tiếng tăm, lợi dưỡng là nhiễm ô, ngũ dục, lục trần là nhiễm ô, tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Nhiễm ô thấy đều phải bỏ đi, chớ nên tiếp cận nó, tâm quý vị bèn thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Từ tâm thanh tịnh tiến cao hơn thành tâm bình đẳng, bình đẳng cao hơn thanh tịnh. Trong tâm bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng có ngạo mạn, chẳng có ganh ghét. Ngạo mạn và ganh ghét đều là tâm bất bình, chẳng còn [ngạo mạn và ganh ghét] nữa, tâm đã bình đẳng. Tâm bình đẳng là máu chốt để đại triệt đại ngộ. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Chánh Giác. Một đệ tử Phật môn, làm học trò đức Phật, thường dùng điều này để đối đãi với chính mình, quý vị thấy bản thân quý vị vui sướng lắm, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Dùng tâm gì để đối đãi kẻ khác? Đối với chính mình là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đối với kẻ khác là đại từ đại bi. Nói cách khác, dùng tâm yêu thương chân thành, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, tâm yêu thương giác chứ không mê để đối đãi người, đó là “*phát Bồ Đề tâm*”.

Nếu quý vị hỏi tôi phải làm sao mới có thể thực hiện được? Tôi bảo quý vị, hãy học tập Đệ Tử Quy, học tập Cảm Ứng Thiên, học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện ba thứ ấy một trăm phần trăm, quý vị bèn làm được, tâm Bồ Đề của quý vị thật sự phát ra. Sau đó, một mực chuyên niệm, một phương hướng, nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Trong đời này, quý vị quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, quyết định thân cận A Di Đà Phật, công đức của quý vị viên mãn. Tham, sân, si là Tam Độc; kể thêm ngạo mạn và hoài nghi, sẽ là Ngũ Độc, phải buông xuống. Nếu không buông xuống được, phiền phức của quý vị sẽ to lớn. Trong có Ngũ Độc, là mầm bệnh, năm thứ mầm bệnh nghiêm trọng, bên ngoài có cảm nhiễm, lẽ đâu quý vị chẳng bị bệnh? Bên trong trừ khử Tam Độc hoặc Ngũ Độc, quý vị gặp phải những bệnh tật bên ngoài bèn chẳng bị cảm nhiễm, nói theo y học hiện thời là quý vị có sức miễn dịch rất cao, rất mạnh. Bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng bị lây. Tánh của Bồ Đề tâm là tốt lành mà!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Giải chư triền phược*”, Triền (纏) là quấn quanh, Phược (縛) là gì? Phược là trói chặt, giống như đem dây thừng buộc quanh, trói chặt quý vị, quý vị chẳng thể cựa quậy được! Đây là hình dung từ. “*Y Cảnh Hưng sư ý*” (theo ý của ngài Cảnh Hưng), Cảnh Hưng là một vị pháp sư Nhật Bản, Ngài nói “*triền phược*” chính là “*bát triền, tam phược*” như trong kinh Phật đã dạy. Chúng ta coi xem chính mình có tám thứ ấy hay không? Tám sợi dây thừng trói chặt quý vị, quý vị chẳng cựa quậy được! Ở đây, cụ Niệm Tổ có ghi một chú thích nhỏ: “*Dư chư gia đa vị thập triền tứ phược*” (các nhà chú giải khác phần nhiều nói là mười triền, bốn phược), cụ dùng thuyết “tám triền, ba phược” của pháp sư Cảnh Hưng. “*Mười triền, bốn phược*” có thể tra trong Phật Học Từ Điển. Điều thứ nhất trong tám triền là Vô Tàm. Chúng ta có Tàm (then) hay không? Hai chữ Tàm và Quý là Thiện Tâm Sở, Vô Tàm và Vô Quý là phiền não. Tàm (慚) là gì? Người Hoa thường nói người ấy có lương tâm, làm chuyện sai quấy, lương tâm cắn rứt, trong tâm cảm thấy rất khó chịu, đó là có Tàm. Kẻ vô tàm thì sao? Làm đủ mọi chuyện xấu, chẳng cảm thấy đã làm chuyện sai quấy. Người bình thường chúng ta thường nói [kẻ ấy] vô lương tâm, kẻ ấy thiếu lương tri nên gọi là Vô Tàm. Quý (愧) là gì? Quý là sợ người khác chỉ trích. Chúng ta làm chuyện ác, người khác phê bình, chúng ta cảm thấy rất kinh sợ. Vì sợ đại chúng trong xã hội phê bình, nên chẳng dám làm chuyện xấu, đó là Quý Tâm Sở, tức là sợ bị dư luận chê trách. Nếu chúng ta làm chuyện xấu, chẳng sợ người khác dị nghị, chẳng màng kẻ khác phê bình, đó là Vô Quý. Quý vị thấy kẻ làm chuyện ác, chẳng bị lương tâm cắn rứt, mà cũng chẳng sợ kẻ khác phê bình thì kẻ ấy chuyện xấu gì cũng dám làm. Đặt hai điều này vào vị trí thứ nhất và thứ hai, có Tàm và Quý sẽ chẳng dám làm chuyện xấu. Nếu hiểu nhân quả, ta vừa dấy ác niệm, thiên địa, quỷ thần sẽ phê phán ta, ngay cả ý niệm bất thiện kẻ ấy cũng chẳng dám dấy lên. Quý vị thấy hai Tâm Sở này đã sanh ra sức mạnh lớn lắm.

Thứ ba là Tật Đố (ganh ghét). Chúng ta phải lắng lòng suy nghĩ, chúng ta có tâm ganh ghét hay không? Thấy kẻ khác tốt đẹp, chúng ta có cảm xúc gì? Nếu cảm thấy người ấy vượt trội ta, tâm ta bực bội, ta cũng muốn trội hơn kẻ ấy, hoặc là càng làm quá lộ hơn một chút là bôi lọ những ưu điểm của kẻ ấy, phá hoại chuyện tốt của kẻ đó, những điều này đều phát xuất từ thói ganh ghét. Chưống ngại chuyện tốt của người khác, chúng ta có ý niệm ấy hay không? Dầu phiền não của chúng ta nhẹ hơn một chút, nhưng trong tâm chẳng thoải mái, chẳng làm chuyện phá hoại người khác, nhưng vẫn là có tâm ganh ghét. Bò Tát chẳng có, Bò Tát thấy điều tốt đẹp của người khác, tâm sanh hoan hỷ. Tu gì? Tu tùy hỷ công đức, người khác làm chuyện tốt, ta bèn tận tâm tận lực giúp kẻ ấy, khiến cho chuyện tốt của người ấy càng được làm tốt đẹp hơn, đó là Bò Tát. Tuyệt đối chẳng chưống ngại kẻ khác, chưống ngại kẻ khác là ác nghiệp, đều là đọa tam đồ. Quý vị tùy hỷ công đức, người ấy có công đức to nhiều, người tùy hỷ đạt được công đức to như người ấy. Chẳng có năng lực tùy hỷ [bằng cách đóng góp công sức], bèn hoan hỷ tán thán, đến khắp nơi tuyên dương kẻ ấy thì cũng là tùy hỷ, công đức cũng giống hệt. Khi không có sức giúp đỡ quý vị, tôi dùng ngôn ngữ, dùng văn tự để tuyên

duyên công đức của quý vị, đó cũng là tùy hỷ. Quý vị thấy đó, là phước hay là họa đều thuộc trong một niệm. Chỉ có kẻ mê hoặc mới ganh ghét, chướng ngại; người thông minh có trí huệ chẳng làm chuyện ngu xuẩn ấy. Gặp người khác làm chuyện tốt, đó là cơ hội của chính mình đã đến, chúng ta có cơ hội để chính mình tích lũy công đức. Người ấy cầm đầu, đứng đầu, chúng ta theo sau giúp đỡ người ấy, thành tựu như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có nguyện “*tùy hỷ công đức*” là nguyện thứ năm, tiếp ngay theo nguyện “*sám trừ nghiệp chướng*” là “*tùy hỷ công đức*”, phải học hiểu điều này.

Thứ tư là Xan (慳: keo kiệt). Xan và Tham thường gộp chung, Tham là tham cầu, Xan là gì? Chính mình có, nhưng chẳng bỏ ra được để giúp đỡ người khác, tâm lượng rất nhỏ, chỉ cầu tự lợi, chẳng biết lợi tha. Như vậy thì có thể giữ gìn sự phú quý của chính mình hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng thể! Quyết định chẳng giữ được, mà còn khiến cho sự phú quý của chính mình bị hao tổn trên một mức độ to lớn! Phú quý do đâu mà có? Phú quý do tâm lượng rộng rãi mà có! Cổ ngôn ngữ Trung Quốc đã nói rất hay: “*Lượng to, phước lớn*”. Lượng nhỏ nhen, phước chẳng lớn, chẳng thể nào có đại phước báo. Lượng to lớn, chịu thí xả, thấy người khác gặp khó khăn, tự mình toàn tâm toàn lực giúp đỡ, đó là đại phước báo. Giúp người khác nhưng chính mình còn giấu nghề, đó chính là xan tham, bị tổn phước, chẳng phải là tu phước. Nhất định phải giống như Bồ Tát toàn tâm toàn lực thực hiện, phước báo lớn lao. Đức Phật dạy tài phú do đâu mà có? Từ tài bố thí mà có; thông minh và trí huệ do đâu mà có? Từ pháp bố thí mà có, khỏe mạnh, sống lâu do đâu mà có? Do vô úy bố thí mà có. Thật sự làm, dốc hết tánh mạng thực hiện, càng làm càng thù thắng. Có người nói tôi tuổi tác đã cao ngàn ấy vẫn còn giảng kinh! Làm chuyện giảng kinh này, ba thứ bố thí trọn đủ. Thân thể, tinh thần, thể lực là nội tài bố thí, được của cải. Tu hành, giáo học là pháp bố thí, tăng trưởng thông minh, trí huệ. Người nghe kinh hiểu rõ, thông suốt, y giáo phụng hành, bèn lìa khổ được vui, đó là ta đã vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Chẳng giảng kinh thì thọ mạng bèn hết, chẳng khởi tác dụng. Càng giảng càng có tinh thần, càng giảng tuổi thọ càng dài, đạo lý là như vậy đó. Quý vị đồng ý xả, thọ mạng bèn dài. Chẳng chịu xả, thọ mạng ngắn ngủi, chuyện là như vậy đó. Hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch rồi thì tu học và giảng kinh sung sướng hơn bất cứ gì khác. Khỏe mạnh, trường thọ, vĩnh viễn chẳng bị già suy, luôn vừa phải. Thật sự suy lão là chẳng thể cử động. Nếu quý vị nghĩ “hãy keo kiệt một chút, ta đã lớn tuổi, hãy giảng ít đi một chút để thân thể nghỉ ngơi nhiều hơn”, càng nghỉ ngơi càng già khòm, càng nghỉ ngơi càng đổ bệnh ra, đạo lý là như vậy đó! Ngày nào chẳng giảng nữa, chẳng giảng bèn vắng sanh, đến thế giới Cực Lạc, cũng chẳng thể chịu khổ sở vì tuổi già ở đây một ngày nào. Già rất khổ, chẳng phải chịu cái tội ấy! Hễ không giảng bèn đi ngay sang thế giới Cực Lạc. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, nêu gương cho chúng ta.

Thứ năm là Ác Tác, phạm vi ở đây vô cùng rộng rãi, tất cả hết thảy hành vi bất thiện đều được bao gồm trong điều này. Trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật,

hễ trái phạm những gì đã nói trong Đệ Tử Quy, trái nghịch những gì Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói thì đều gọi là Ác Tác, do trái nghịch tánh đức.

Thứ sáu là Thụy Miên. Chẳng thể nào không ngủ, nhưng chớ nên tham ngủ. Thông thường ngủ nghỉ, ngủ rất ngon thì chừng sáu giờ là đủ rồi, khi tỉnh giấc phải làm việc. Công việc của người học Phật là khi tỉnh giấc bèn rửa ráy, thay quần áo sạch sẽ, tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật, hoặc là đọc kinh. Từ tuổi trung niên trở lên, lạy Phật rất trọng yếu. Lạy Phật là vận động, làm chuyện vận động này chẳng lãng phí thời gian, tương ứng với niệm Phật. Kinh hành cũng là một loại vận động tốt, thích hợp cho người lớn tuổi. Kinh hành, niệm Phật, “*ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Chớ nên ngủ quá nhiều. Ngủ quá nhiều là lãng phí thời gian quý báu của chính mình, nhất định phải phân chân tinh thần.

Thứ bảy là Diệu Cử (Trao Cử). Nay chúng ta gọi Diệu Cử (掉舉) là tánh khí bộp chộp, tâm chẳng định được, vọng niệm quá nhiều. Đặc biệt là muốn tĩnh lặng, ta tĩnh tọa mấy phút, vừa tĩnh tọa, vọng tưởng quá nhiều, trạng huống ấy được gọi là Diệu Cử, trở ngại rất lớn cho sự tu học. Tâm chẳng đặt tại đó, học gì cũng đều khó khăn.

Điều thứ tám, trái ngược với Diệu Cử. Diệu Cử là tâm tình bộp chộp, xáo động. Hôn Trầm là ngủ gà ngủ gật, tinh thần uể oải. Quý vị bảo người ấy niệm Phật, niệm được mấy phút đã ngủ mất. Trong Phật Thất chúng ta thường thấy, người hôn trầm có khi nhiều Phật, chân vẫn bước nhiều Phật mà đã ngủ gục, ngáy o o luôn, chẳng phải là niệm Phật mà là ngáy khò khò!

Tám thứ này là phiền não, quán trối quý vị, khiến cho công phu của quý vị chẳng đắc lực, khiến quý vị tu học chẳng thể thành tựu. Đó là Bát Triền. Tam Phược là gì? Chính là Tam Độc phiền não, tham, sân, si. Trong có tham, sân, si, ngoài có tám hiện tượng ấy, người như vậy làm ác rất dễ dàng, hành thiện hết sức khó khăn. Chúng ta biết kẻ có Bát Triền Tam Phược trong tương lai sẽ đến nơi đâu? Chắc chắn là tam đồ, đời sau chẳng có phần trong cõi trời người, đừng mong về thế giới Cực Lạc. Vì thế, các đồng học niệm Phật chúng ta, có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải thường xét coi chính mình có tám hiện tượng ấy hay không? Nếu có, phải thống thiết sửa lỗi trước, phải nghiêm túc nỗ lực tinh tấn, đặc biệt là phải hóa giải Tam Độc và Ngũ Độc như chúng tôi đã nói.

“*Tịnh Ảnh Sớ viết: Diệc khả nhất thiết chư phiền não kết, thông danh Triền Phược, Bồ Tát giáo nhân đoạn ly, danh Giải*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Cũng có thể nói là hết thảy các phiền não kết đều gọi là Triền Phược, Bồ Tát dạy người ta đoạn lìa chúng, đó là Giải”), tức là hóa giải triền phược. Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, trong ấy cũng nói rất hay, phạm vi to lớn. “*Giải chư triền phược*”, phạm vi của triền phược

hết sức rộng lớn. “*Nhất thiết chư phiền não kết*”, Kết (結) cũng là tên gọi khác của phiền não. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy có tám vạn bốn ngàn phiền não, quy nạp thành một trăm lẻ tám phiền não. Kinh Phật thường nói điều này, phiền não gồm một trăm lẻ tám thứ. Nói thật ra, trong mỗi thứ đều là vô lượng vô biên, không chỉ là tám vạn bốn ngàn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyên có nói: “*Phiền não vô tận thệ nguyên đoạn*”. Đức Phật dạy đại chúng, một trăm lẻ tám vẫn là quá nhiều, khi giáo học vẫn chẳng thuận tiện, nên lại quy nạp một trăm lẻ tám thành hai mươi sáu cho dễ nói. Thông thường, đối với những người sơ học đều nói là hai mươi sáu. Hai mươi sáu phiền não gồm sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Trong tùy phiền não lại có Trung Tùy, Đại Tùy, và Tiểu Tùy. Hai điều Vô Tàm và Vô Quý là Trung Tùy, Đại Tùy tám điều, Tiểu Tùy mười điều, dễ giảng giải! Sáu căn bản phiền não là năm điều tham, sân, si, mạn, nghi, thêm vào sau đó là ác kiến. Ác kiến là năm thứ Kiến Hoặc, quy nạp chúng lại bèn gọi là ác kiến. Nói cách khác, sáu căn bản phiền não thường được gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến phiền não là ác kiến, Tư phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi. Tư (思) là tư tưởng, quý vị nghĩ sai. Kiến là quý vị thấy sai, cách nhìn và cách nghĩ của quý vị đối với hết thảy các pháp trong vũ trụ đã sai, cho nên rắc rối mới nảy sinh.

Đức Phật đã nêu ra những sai lầm ấy, khiến cho chúng ta giác ngộ, hiểu rõ, bèn buông những sai lầm ấy xuống, chánh tri chánh kiến hiện tiền, chánh tri chánh kiến là “tri kiến của Phật”. Chúng ta là phàm phu, chính mình nhất định phải tự biết rõ mình thì mới có thể học thứ này, thứ nọ. Phải khiêm hư, chớ nên có mấy may cuồng vọng, phải thật thà, phải nghe lời. Trong hoàn cảnh hiện tiền, chúng ta mong thành tựu trong một đời, đầu tiên là phải vun bồi vững vàng ba căn cội, nhất định phải biết [điều này]. Trong quá khứ, người thuộc một thế kỷ trước, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, mỗi cá nhân đều vun bồi tốt đẹp ba căn cội ấy, nên họ có thành tựu. Người tu hành hiện thời vì sao chẳng thành tựu? Chư vị chỉ cần lắng lòng tĩnh táo quan sát, trong tâm sẽ hiểu rõ. Chúng ta nói xem: Người tu Tịnh Độ tại gia hay xuất gia, khi lâm chung, chúng ta tiễn họ đi vãng sanh, có mấy người đầu óc tĩnh táo, tinh thần rất sáng suốt? Lúc ra đi, bảo mọi người: “Tôi thấy Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi theo Phật ra đi”, đó là thật sự vãng sanh, chẳng giả chút nào! Nếu khi mất mà hôn mê, như vậy là chẳng nhất định [vãng sanh]. Nhưng người đưa đi vãng sanh trợ niệm đông đảo, có thể giúp người ấy chẳng đọa ác đạo, chúng ta có thể tin điều này, có thể khẳng định, người ấy có thật sự sanh vào thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng chắc ăn! Nếu mắc phải chứng lú lẫn của người già (Alzheimer's disease) thì chẳng có cách nào, trợ niệm vô hiệu! Mắc chứng si ngốc của người già, mơ hồ, điên đảo ra đi, nghiệp chướng sâu nặng, lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể vãng sanh. Người ra đi như vậy sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, quý vị nói xem: Chuyện này có phiền phức hay không? Chúng ta là người thật tu, thật hành, phải chú trọng đề phòng chuyện này!

Chúng ta làm thế nào để tĩnh táo, sáng suốt trong lúc lâm chung? Dùng phương pháp gì? Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức. Phải thực hiện năm chữ “nhân, nghĩa, lễ,

trí, tín” do cổ nhân Trung Quốc đã nói. Chẳng làm được năm chữ ấy, lúc quý vị ra đi sẽ bị chướng ngại. Người thiếu nhân ái, thiếu từ bi, chẳng có lòng nhân ái sẽ mắc bệnh gan, bệnh ở gan. Nếu là kẻ bất nghĩa, thiếu đạo nghĩa, sẽ bị bệnh phổi. Kẻ thiếu lễ bị bệnh tim. Kẻ thiếu trí bị bệnh thận. Kẻ thiếu chữ tín, bệnh tại tỳ vị. Các chứng bệnh đều có nguyên nhân đối ứng. Có thể hành trọn nhân, nghĩa, lễ, trí, tín [sẽ chẳng có bệnh]. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và Ngũ Giới trong Phật pháp hoàn toàn giống nhau. Nhân là chẳng sát sanh, Nghĩa là chẳng trộm cắp, Lễ là chẳng tà hạnh, Trí là chẳng uống rượu, Tín là chẳng nói dối, hoàn toàn tương ứng với năm giới, quý vị đều có thể làm được, quyết định chẳng vi phạm, trong đời này, quý vị chẳng mắc bệnh. “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”, bản thân chúng ta mới có thể bảo đảm chính mình khi lâm chung chẳng hồ đồ, như vậy thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Vãng sanh là trong một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, chẳng phải là điều gì khác. Do vậy, lúc bình thời phải buông xuống, khi lâm chung, quý vị mới chẳng có tạp niệm, mới chẳng nghĩ cái này, tưởng cái kia, đặc biệt là danh, sắc, tài, ăn uống, ngủ nghỉ cũng đều bỏ, khi lâm chung sạch lầu, chẳng có ô nhiễm. Đã biết hết thấy phiền não thì phải xa lìa, phải tận hết sức xa lìa, càng xa càng hay, vì sao? Đó là triền phược, trói buộc chúng ta ở nơi đây, khiến cho chúng ta chẳng lìa khỏi lục đạo luân hồi, quý vị nói có phiền phức lắm hay không? Bồ Tát dạy chúng ta đoạn sạch, dạy chúng ta rời khỏi, đó là Giải, [tức là] cởi gỡ những trói buộc!

“*Thượng nhị cú, biểu hội trung chư Bồ Tát dĩ thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cụ Căn Bản Trí cập Sai Biệt Trí*” (hai câu trên biểu thị các vị Bồ Tát trong hội do thông suốt tánh của các pháp, thấu đạt tướng chúng sanh, trọn đủ Căn Bản Trí và Sai Biệt Trí). “*Thông chư pháp tánh*” là Căn Bản Trí, “*đạt chúng sanh tướng*” là Sai Biệt Trí, tức là không gì chẳng biết. Vì thế, Ngài “*năng vị chúng sanh phá ma kiến vọng, linh ly tà nghiệp*” (có thể vì chúng sanh phá lưới ma, khiến cho họ lìa tà nghiệp), “*ngiệp*” là sự nghiệp, là tạo tác. Sự nghiệp bất thiện quyết định chẳng làm. Ở trong thế giới này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hết thấy sự nghiệp đều tạo lợi ích cho người khác, đều có chỗ tốt đẹp, quý vị thực hiện bèn chẳng thiệt thòi, chớ nên không biết [điều này]. Con người sống trên thế gian rất ngắn ngủi, một trăm năm, đối với người trẻ tuổi mà nói thì dường như rất dài, nhưng với lứa tuổi tôi, sẽ thấy một trăm năm như một cái khảy ngón tay, trôi qua rất nhanh, có ý nghĩa gì đâu? Đến tuổi già mới thật sự hiểu mạng người khổ sở, ngắn ngủi. Chẳng sợ khổ là vì nguyên nhân nào? Thời gian khổ sở ngắn ngủi, chẳng dài, ta phải cắn chặt răng vượt qua thời gian ít ỏi này, quyết định chẳng tạo ác nghiệp, đáng giá lắm! Đời sau sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian lâu dài. Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thậm chí vãng sanh trong biên địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chúc mừng quý vị, quý vị được vô lượng thọ, đã lìa hết thấy khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có khổ, nên gọi là Cực Lạc. Quý vị thành Phật ở bên ấy, rất nhanh chóng chứng đắc Phật quả rốt ráo. Sau khi thành Phật, quý vị giống như các vị đại Bồ Tát: “*Có thể vì các hữu tình, tháo gỡ các trói buộc, khiến họ lìa phiền*”

nã”. Giúp đỡ chúng sanh hóa giải triền phược. Đó chính là giáo học, quý vị giảng thấu triệt, minh bạch tánh - tướng, lý - sự, nhân - quả của vạn pháp trong vũ trụ. Chúng sanh sau khi nghe xong, giác ngộ, hể giác ngộ bèn quay đầu, xa lìa triền phược, và cũng vĩnh viễn lìa phiền não. Lìa khỏi phiền não, trí huệ hiện tiền, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, trí huệ hướng dẫn người ấy, kẻ ấy chẳng làm ác, chẳng đi vào ngõ rẽ, đảm bảo chính mình đứng mãi, tinh tấn trên con đường thành Phật, vãng sanh bất thoái thành Phật ngay trong một đời. Hiện tại thời gian đã hết rồi, buổi học này chúng ta học tập tới đây!